VITTEP ISO/IEC 17025:2017 VLAT – 1108 & 2.108 TCVN/QS 877:2014 VIMCERTS 009	VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ **VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG** **Institute for Tropical Technology and Environmental Protection**	Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, P.10, Q. Phú Nhuận, TP. HCM. ĐTCQ: 028.38446262-65 P.QT&PTMT: 028.38455140
QT.22.0008	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** **TEST REPORT**	Ngày/Date 12/01/2022

1. Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức (Đơn hàng 22.0008).

2. Địa điểm lấy mẫu: Bể chứa nước sạch nhà máy BOO Thủ Đức-479 Xa Lộ Hà Nội, Phường Linh Trung, Tp.Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

4. Số lượng mẫu: 1.

5. Ngày nhận mẫu: 05/01/2022.

6. Thời gian thử nghiệm: 05/01-12/01/2022.

7. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo.

Chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP số đăng ký 434/TN-TĐC.

ĐẠI DIỆN NHÓM THỬ NGHIỆM	QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
NGUYỄN THỊ NHẠN	TRẦN TUẤN VIỆT	LÊ VĂN TÂM

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
3. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP

QT.22.0008	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày/Date 12/01/2022

A. KÝ HIỆU MẪU:

TT	Tên mẫu	Mã hoá mẫu
1.	Nước ra nhà máy	QT.220105.001

B. KẾT QUẢ:

***NƯỚC SẠCH:**

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả thử nghiệm	QCVN 01-1:2018/BYT
				QT.220105.001	
1	Độ đục	NTU	US EPA method 180.1	0,11	2
2	Độ màu	Pt-Co	TCVN 6185:2015	KPH (LOD=5)	15
3	Mùi vị	-	SMEWW 2150 B + SMEWW 2160 B	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
4	pH	-	TCVN 6492:2011	7,19	6 ÷ 8,5
5	Chỉ số Pemanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	0,2	2
6	Độ cứng	mg/L	TCVN 6224:1996	25,6	300
7	Clorua (Cl^-)	mg/L	TCVN 6194:1996	11,3	250
8	Florua (F^-)	mg/L	SMEWW 4500-F^-.B&D:2017	0,44	1,5
9	Tổng sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	KPH (LOD=0,046)	0,3
10	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	0,0078	0,1
11	Clo dư	mg/L	HACH Method 8021	0,69	0,2 ÷ 1
12	Coliform	CFU/100mL	SMEWW 9222B:2017	KPH	<3
13	E.Coli	CFU/100mL	SMEWW 9222B&H:2017	KPH	<1

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- (-): Không quy định/không thực hiện;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
3. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP ISO/IEC 17025:2017 VLAT – 1108 & 2.108 TCVN/QS 877:2014 VIMCERTS 009	VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ **VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG** **Institute for Tropical Technology and Environmental Protection**	Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, P.10, Q. Phú Nhuận, TP. HCM. ĐTCQ: 028.38446262-65 P.QT&PTMT: 028.38455140
QT.22.0028	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** **TEST REPORT**	Ngày/Date 19/01/2022

1. Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức (Đơn hàng 21. 0028)

2. Địa điểm lấy mẫu: Bể chứa nước sạch nhà máy BOO Thủ Đức-479 Xa Lộ Hà Nội, Phường Linh Trung, Tp.Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

4. Số lượng mẫu: 1

5. Ngày nhận mẫu: 12/01/2022

6. Thời gian thử nghiệm: 7 ngày

7. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

Chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP số đăng ký 434/TN-TĐC

ĐẠI DIỆN NHÓM THỬ NGHIỆM	QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	TL. VIỆN TRƯỞNG TRƯỞNG BAN KHTH
NGUYỄN THỊ NHẠN	TRẦN TUẤN VIỆT	NGUYỄN THỊ KIM YẾN

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
3. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP

QT.22.0028	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày/Date 19/01/2022

A. KÝ HIỆU MẪU:

TT	Ký hiệu	Tên mẫu	Mã hoá mẫu
1.		Nước ra nhà máy	QT.220112.004

B. KẾT QUẢ:

*** NƯỚC SẠCH**

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả thử nghiệm	QCVN 01-1:2018/BYT
				QT.220112.004	
1	Độ đục	NTU	US EPA method 180.1	0,22	2
2	Độ màu	Pt-Co	TCVN 6185:2015	KPH (LOD=5)	15
3	Mùi vị	-	SMEWW 2150 B + SMEWW 2160 B	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
4	pH	-	TCVN 6492:2011	7,29	6 ÷ 8,5
5	Chỉ số Pemanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	0,3	2
6	Độ cứng	mg/L	TCVN 6224:1996	29	300
7	Clorua (Cl^-)	mg/L	TCVN 6194:1996	19,1	250
8	Florua (F^-)	mg/L	SMEWW 4500-F^-.B&D:2012	0,51	1,5
9	Tổng sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	KPH (LOD=0,046)	0,3
10	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	KPH (LOD=0,0015)	0,1
11	Clo dư	mg/L	HACH Method 8021	0,73	0,2 ÷ 1
12	Coliform	CFU/100 mL	SMEWW 9222B:2017	KPH	<3
13	E.Coli	CFU/100 mL	SMEWW 9222B&H:2017	KPH	<1

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- (-): Không quy định/không thực hiện;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
3. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP ISO/IEC 17025:2017 VLAT – 1108 & 2.108 TCVN/QS 877:2014 VIMCERTS 009	VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ **VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG** **Institute for Tropical Technology and Environmental Protection**	Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, P.10, Q. Phú Nhuận, TP. HCM. ĐTCQ: 028.38446262-65 P.QT&PTMT: 028.38455140
QT.22.0043	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** **TEST REPORT**	Ngày/Date 26/01/2022

1. Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức (Đơn hàng 22.0043)

2. Địa điểm lấy mẫu: Bể chứa nước sạch nhà máy BOO Thủ Đức-479 Xa Lộ Hà Nội, Phường Linh Trung, Tp.Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

4. Số lượng mẫu: 1

5. Ngày nhận mẫu: 19/01/2022

6. Thời gian thử nghiệm: 7 ngày

7. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

Chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP số đăng ký 434/TN-TĐC

ĐẠI DIỆN NHÓM THỬ NGHIỆM	QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	TL. VIỆN TRƯỞNG TRƯỞNG BAN KHTH
NGUYỄN THỊ NHẠN	TRẦN TUẤN VIỆT	NGUYỄN THỊ KIM YẾN

ilac-MRA
AOSC
VLAT 1.108
ISO/IEC 17025:2017

VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ
VIỆN NHIỆT ĐỚI MÔI TRƯỜNG

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
3. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP

QT.22.0043	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày/Date 26/01/2022

A. KÝ HIỆU MẪU:

TT	Tên mẫu	Mã hoá mẫu
1.	Nước ra nhà máy	QT.220119.011

B. KẾT QUẢ:

I. NƯỚC ĂN UỐNG

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả thử nghiệm	QCVN 01-1:2018/BYT
				QT.220119.011	
1	Độ đục	NTU	US EPA method 180.1	0,1	2
2	Độ màu	Pt-Co	TCVN 6185:2015	KPH (LOD=5)	15
3	Mùi vị	-	SMEWW 2150 B + SMEWW 2160 B	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
4	pH	-	TCVN 6492:2011	7,46	6 ÷ 8,5
5	Chỉ số Pemanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	0,3	2
6	Độ cứng	mg/L	TCVN 6224:1996	36,3	300
7	Clorua (Cl^-)	mg/L	TCVN 6194:1996	19,8	250
8	Florua (F^-)	mg/L	SMEWW 4500-F^-.B&D:2012	0,43	1,5
9	Tổng sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	KPH (LOD=0,046)	0,3
10	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	KPH (LOD=0,0015)	0,1
11	Clo dư	mg/L	HACH Method 8021	0,76	0,2 ÷ 1
12	Coliform	CFU/100 mL	SMEWW 9222B:2017	KPH	<3
13	E.Coli	CFU/100 mL	SMEWW 9222B&H:2017	KPH	<1

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- (-): Không quy định/không thực hiện;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện NĐMT.
2. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
3. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.